

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	14 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam, tiền thân là Công ty Vận tải biển Việt Nam, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 29-TTg ngày 26 tháng 01 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 105598 ngày 05 tháng 3 năm 1993 do Trọng tài kinh tế cấp. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 9 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, trong đó lần thay đổi đăng ký kinh doanh lần 7 ngày 17 tháng 6 năm 2011 do được cấp lại mã số doanh nghiệp mới là 0200106490 và lần đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 08 tháng 3 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	840.000.000.000	60
Các cổ đông khác	560.000.000.000	40
Cộng	1.400.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
 Điện thoại : (0313) 731 946
 Fax : (0313) 731 007
 E-mail : PID@vosco.vn
 Mã số thuế : 0 2 0 0 1 0 6 4 9 0

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Thuyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Xi nghiệp Dịch vụ và Đại lý Sơn	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Xi nghiệp Đại lý Dầu	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Hà Nội	22 Yết Kiêu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quảng Ninh	53 Lê Thánh Tông, phường Hòn Gai, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Đà Nẵng	255 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quy Nhơn	212 Đống Đa, phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Nha Trang	43A Bạch Đằng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Cần Thơ	62/13 Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	69 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Huấn luyện Thuyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Vũng Tàu	110 Hạ Long, Phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quảng Ngãi (đã có quyết định chấm dứt hoạt động của Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, đang hoàn thiện thủ tục pháp lý để ngừng hoạt động)	696 Quang Trung, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải đường biển;
- Dịch vụ, đại lý và môi giới vận tải đường biển;
- Xuất nhập khẩu và đại lý vật tư thiết bị, phụ tùng, dầu mỡ, hóa chất, sơn các loại cho tàu biển;
- Dịch vụ vận tải đa phương tiện gồm: Đường sắt, sông, biển, bộ và hàng không;
- Xuất khẩu thuyền viên;
- Gia công cơ khí, phục hồi các chi tiết, các trang thiết bị lắp trên tàu, sửa chữa nhỏ tàu trong và ngoài Công ty;
- Đại lý dịch vụ sửa chữa, vật tư, phụ tùng thiết bị an toàn và phao bè;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sân chơi thể thao và nhà hàng ăn uống;
- Vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và khí ga;
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi, xếp dỡ, sửa chữa Container;
- Đào tạo và huấn luyện thuyền viên./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 44).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Hữu Chinh	Chủ tịch		
Ông Bùi Việt Hoài	Phó Chủ tịch		27 tháng 4 năm 2012
Ông Lê Việt Tiến	Phó Chủ tịch	27 tháng 4 năm 2012	
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Ủy viên		
Ông Nguyễn Quang Minh	Ủy viên	27 tháng 4 năm 2012	
Ông Lâm Phúc Tú	Ủy viên		
Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Ủy viên	27 tháng 4 năm 2012	
Ông Trần Trọng Phúc	Ủy viên		

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Châu Quang Khải	Trưởng ban
Ông Đặng Hồng Trường	Ủy viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Hữu Chinh	Tổng Giám đốc	05 tháng 3 năm 2012	
Ông Bùi Việt Hoài	Tổng Giám đốc		01 tháng 3 năm 2012
Ông Lê Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Lâm Phúc Tú	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng		

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

~~Tổng Giám đốc~~



Ngày 7 tháng 8 năm 2012



Số: 289/2012/BCTC-KTTV-KT3

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU
CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 07 tháng 8 năm 2012, từ trang 07 đến trang 44 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số V.10 về việc trích khấu hao đội tàu và thuyết minh số IV.14 về nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ của Công ty.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2012

Kiểm toán viên



Lê Văn Khoa

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1794/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		678.821.974.349	659.647.220.659
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27.988.400.840	54.567.598.525
1. Tiền	111		27.988.400.840	54.567.598.525
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		435.764.018.387	375.937.461.960
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	131.362.850.117	88.672.350.798
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	286.901.123.679	253.680.237.474
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	18.844.616.937	34.929.446.034
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(1.344.572.346)	(1.344.572.346)
IV. Hàng tồn kho	140		200.608.476.203	208.378.053.328
1. Hàng tồn kho	141	V.6	200.608.476.203	208.378.053.328
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.461.078.919	20.764.106.846
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	6.298.104.982	2.214.301.082
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.705.243.472	11.213.193.783
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	727.822.767	6.573.359.744
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	729.907.698	763.252.237



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm :

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.458.538.555.987	4.564.183.007.067
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.119.730.264.557	4.203.565.495.987
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	4.040.370.657.244	4.140.669.902.367
<i>Nguyên giá</i>	222		6.663.335.219.269	6.663.096.048.602
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.622.964.562.025)	(2.522.426.146.235)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.227.226.120	4.240.754.920
<i>Nguyên giá</i>	228		4.404.303.720	4.404.303.720
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(177.077.600)	(163.548.800)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	75.132.381.193	58.654.838.700
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		104.870.803.253	103.170.803.253
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	22.687.405.910	20.987.405.910
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	82.183.397.343	82.183.397.343
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		233.937.488.177	257.446.707.827
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	218.054.079.107	241.563.009.748
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	14.881.630.879	14.881.630.879
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	1.001.778.191	1.002.067.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.137.360.530.336	5.223.830.227.726

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm :

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.803.104.834.746	3.787.341.580.498
I. Nợ ngắn hạn	310		730.001.664.225	595.758.234.396
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	135.382.000.000	41.656.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.19	395.920.562.267	367.811.110.651
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	60.674.544.627	37.030.468.848
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	1.231.102.606	1.885.359.358
5. Phải trả người lao động	315		14.582.706.330	14.738.578.242
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	116.029.776.338	115.309.490.442
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	6.180.972.057	17.327.226.855
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.073.103.170.521	3.191.583.346.102
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.24	14.302.974.310	14.302.974.310
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.25	144.000.000	144.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	3.058.148.935.070	3.176.105.577.070
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27	507.261.141	988.976.541
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	41.818.181
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.334.255.695.590	1.436.488.647.228
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.28	1.334.255.695.590	1.436.488.647.228
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(7.320.384.546)	(7.320.384.546)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(900.789.234)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.948.107.068	11.948.107.068
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.968.205.262	15.968.205.262
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(86.340.232.194)	16.793.508.678
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.137.360.530.336	5.223.830.227.726

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm :

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		840.451,68	2.295.144,12
Euro (EUR)		28,65	0,54
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 7 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Trường

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Vũ Hữu Chinh

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.172.732.789.327	1.465.971.112.019
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	2.709.584.722	3.578.253.013
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.170.023.204.605	1.462.392.859.006
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.120.228.032.545	1.270.877.121.939
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.795.172.060	191.515.737.067
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.490.269.842	4.906.472.414
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	99.259.451.177	148.068.418.456
Trong đó: chi phí lãi vay	23		78.266.808.283	98.104.933.597
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	34.877.183.876	41.366.811.784
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	26.697.801.189	25.895.508.336
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(107.548.994.340)	(18.908.529.095)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.868.006.670	22.897.343.953
12. Chi phí khác	32	VI.8	38.534.898	422.550.200
13. Lợi nhuận khác	40		4.829.471.772	22.474.793.753
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(102.719.522.568)	3.566.264.658
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	675.000.000
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(102.719.522.568)</u>	<u>2.891.264.658</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>-</u>	<u>-</u>

Người lập biểu

Nguyễn Bá Trường

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Lập, ngày 7 tháng 8 năm 2012

Tổng Giám đốc



Vũ Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.178.080.298.369	1.527.503.453.570
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.000.730.036.053)	(1.163.342.997.962)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(91.157.114.473)	(110.014.088.469)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(78.000.940.283)	(97.165.740.826)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(50.000.000)	(3.000.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		39.233.115.744	107.564.446.255
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(55.242.786.133)	(129.334.601.672)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<u><i>(7.867.462.829)</i></u>	<u><i>132.210.470.896</i></u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(14.691.387.373)	(645.309.710.019)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		19.519.539.284	22.661.885.516
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.700.000.000)	(10.202.702.174)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.650.175.273	6.280.652.524
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<u><i>5.778.327.184</i></u>	<u><i>(626.569.874.153)</i></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		167.382.000.000	1.101.219.090.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(191.612.642.000)	(647.564.769.016)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(259.420.040)	(36.271.007.280)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(24.490.062.040)</u>	<u>417.383.313.704</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(26.579.197.685)	(76.976.089.553)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	54.567.598.525	129.951.578.130
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>27.988.400.840</u>	<u>52.975.488.577</u>

Lập, ngày 7 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Trường

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Vũ Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Vận tải, dịch vụ
3. **Hoạt động chính trong kỳ** : Kinh doanh vận tải đường biển; Dịch vụ, đại lý và môi giới vận tải đường biển; Xuất nhập khẩu và đại lý vật tư thiết bị, phụ tùng, dầu mỡ, hóa chất, sơn các loại cho tàu biển; Dịch vụ vận tải đa phương tiện gồm: Đường sắt, sông, biển, bộ và hàng không; Xuất khẩu thuyền viên; Gia công cơ khí, phục hồi các chi tiết, các trang thiết bị lắp trên tàu, sửa chữa nhỏ tàu trong và ngoài Công ty; Đại lý dịch vụ sửa chữa, vật tư, phụ tùng thiết bị an toàn và phao bè; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ sân chơi thể thao và nhà hàng ăn uống; Vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và khí ga; Kinh doanh dịch vụ kho bãi, xếp dỡ, sửa chữa Container. Đào tạo và huấn luyện thuyền viên./.

4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Công ty có 1.364 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 là 1.377 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ỨNG DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho là công cụ dụng cụ được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp hệ số giá.

Hàng tồn kho là nhiên liệu được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá nhiên liệu tồn cuối kỳ ở các tàu được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính và Công văn số 7136/TC-TCDN ngày 28 tháng 6 năm 2004 của Bộ Tài chính cho phép khung khấu hao cho tàu biển đóng mới tối đa là 20 năm. Riêng tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định mua mới như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Số năm khấu hao của tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	06

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư đóng mới tàu cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng được vốn hóa vào giá trị của tàu.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa các tàu lên đà

Chi phí sửa chữa các tàu lên đà được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn cho phép của đăng kiểm là 30 tháng.

Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỉ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm, số còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc vẫn phải trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc. Do đó, từ năm 2011 trở về trước Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được tiếp tục trích vào chi phí theo chính sách đã nêu ở trên. Trong năm 2012, thực hiện Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2011 Công ty không trích Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo nguyên tắc: doanh thu và chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh, các khoản tiền và công nợ ngắn hạn được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ. Tỷ giá ghi sổ được sử dụng là tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

ngày kết thúc của tháng trước. Cuối mỗi tháng, số dư các khoản tiền và công nợ ngắn hạn được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày cuối tháng và tỷ giá này được sử dụng là tỷ giá ghi sổ của tháng tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền và các khoản công nợ ngắn hạn cuối mỗi tháng được phản ánh vào Tài khoản 142 - Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ đều vào chi phí trong kỳ (phân bổ đều 12 tháng). Đến cuối năm tài chính, số dư các khoản tiền và công nợ ngắn hạn được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày cuối năm theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Theo đó, Công ty không đánh giá lại số dư các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm giữa niên độ ngày 30 tháng 6 năm 2012.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Báo cáo theo Bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.081.224.690	928.101.995
Tiền gửi ngân hàng	26.907.176.150	53.639.496.530
Cộng	<u>27.988.400.840</u>	<u>54.567.598.525</u>

2. Phải thu khách hàng*Trình bày theo đơn vị như sau:*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	113.821.700.258	71.210.979.681
Xi nghiệp Dịch vụ và Đại lý Sơn	1.164.829.673	1.194.829.673
Xi nghiệp Đại lý Dầu		220.472.377
Trung tâm Thuyền viên	11.808.543.215	11.160.958.238
Trung tâm huấn luyện thuyền viên		132.000.000
Chi nhánh Quy Nhơn	312.570.608	428.269.690
Chi nhánh Quảng Ninh	511.150.362	685.274.100
Chi nhánh Nha Trang	42.826.295	16.259.795
Chi nhánh Hà Nội	3.502.979.165	3.306.015.405
Chi nhánh Đà Nẵng	167.008.541	167.008.541
Chi nhánh Cần Thơ	31.242.000	150.283.298
Cộng	<u>131.362.850.117</u>	<u>88.672.350.798</u>

3. Trả trước cho người bán*Trình bày theo đơn vị như sau:*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	286.742.188.822	253.119.401.575
Chi nhánh Quy Nhơn	121.102.324	514.075.523
Chi nhánh Quảng Ninh		4.484.500
Chi nhánh Hà Nội	37.832.533	42.275.876
Cộng	<u>286.901.123.679</u>	<u>253.680.237.474</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền ăn các tàu vay	4.858.328.143	4.634.011.003
Các tàu vay tiền đi công tác nước ngoài	378.263.973	543.599.969
Tiền bồi thường bảo hiểm	6.391.684.704	6.564.420.592
Quỹ ốm đau thai sản		30.775.200
Dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia	270.400.000	270.400.000
Thuế thu nhập cá nhân năm 2010 còn phải thu	182.895.759	182.895.759

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
cán bộ, nhân viên		
Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	247.158.035	527.658.035
Phải thu tiền bán tàu Sông Tiền, nhiên liệu, dầu nhớt còn lại trên tàu		21.181.424.308
Chi nhánh công ty Cổ phần Bảo Minh tại Hải phòng - Hoàn trả phí Bảo hiểm thân tàu		29.681.796
Tài khoản lưu ký chứng khoán	34.609.311	36.016.897
Thảm định nhà số 122 Nguyễn Tất Thành	5.593.713.012	9.090.909
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Viễn Dương Vinashine (chi hệ chi phí để quản lý tàu Vinashinlines-Atlantic)	767.412.839	648.977.839
Các khoản phải thu khác	120.151.161	270.493.727
Cộng	<u>18.844.616.937</u>	<u>34.929.446.034</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 3 năm. Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu kỳ	1.344.572.346	1.619.445.315
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	<u>1.344.572.346</u>	<u>1.619.445.315</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	200.050.965.337	207.550.298.791
Công cụ, dụng cụ	557.510.866	827.754.537
Cộng	<u>200.608.476.203</u>	<u>208.378.053.328</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm P&I	5.311.457.644	1.623.249.806
Chi phí bảo hiểm thuyền viên	17.736.240	131.547.240
Chi phí bảo hiểm vỏ container	147.057.000	439.130.000
Chi phí bảo hiểm FD&D	216.876.126	20.374.036
Chênh lệch tỷ giá vay ngắn hạn	102.502.000	
Chênh lệch tỷ giá tiền và công nợ ngắn hạn	362.475.972	
Tiền thuê đất	140.000.000	
Cộng	<u>6.298.104.982</u>	<u>2.214.301.082</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	725.000.000	675.000.000
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	2.822.767	4.161.767
Thuế GTGT hàng bán nội địa		5.894.197.977
Cộng	<u>727.822.767</u>	<u>6.573.359.744</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng cho cán bộ nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quan lý	Cây lâu năm	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	28.042.261.807	92.248.203.602	6.532.840.403.490	9.903.339.148	61.840.555	6.663.096.048.602
Tăng trong kỳ do mua sắm mới	108.725.456	32.000.000	970.861.575	55.990.909		1.167.577.940
Giảm trong kỳ do thanh lý			928.407.273			928.407.273
Số cuối kỳ	28.150.987.263	92.280.203.602	6.532.882.857.792	9.959.330.057	61.840.555	6.663.335.219.269
<i>Trong đó Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến 30 tháng 6 năm 2012 là 765.648.927.449 VND</i>						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	9.752.434.111	24.688.853.744	2.480.012.459.643	7.931.171.681	41.227.056	2.522.426.146.235
Tăng trong kỳ do khấu hao	453.696.891	4.612.897.032	95.893.995.368	463.145.492	5.153.382	101.428.888.165
Giảm trong kỳ do thanh lý			890.472.375			890.472.375
Số cuối kỳ	10.206.131.002	29.301.750.776	2.575.015.982.636	8.394.317.173	46.380.438	2.622.964.562.025

Giá trị còn lại

Số đầu năm	18.289.827.696	67.559.349.858	4.052.827.943.847	1.972.167.467	20.613.499	4.140.669.902.367
Số cuối kỳ	17.944.856.261	62.978.452.826	3.957.866.875.156	1.565.012.884	15.460.117	4.040.370.657.244

- Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 6.111.981.596.346 VND và 3.757.092.083.968 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay.
- Do nguyên nhân suy thoái kinh tế, ngày 03 tháng 4 năm 2012, Bộ Tài chính đã có Công văn số 148/BTC-TCDN cho phép các Công ty Vận tải Biển do Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nắm giữ có phần từ 51% trở lên, được giảm khấu hao năm 2011 và năm 2012 so với mức khấu hao theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 cho một số tàu biển, mức giảm tối đa không quá 75%. Theo đó, 6 tháng đầu năm 2012, Công ty đã áp dụng mức giảm 48% tổng chi phí khấu hao đội tàu biển được trích trong kỳ cho một số tàu biển của mình nên chi phí khấu hao 6 tháng đầu năm 2012 giảm 88 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.296.903.720	107.400.000	4.404.303.720
Tăng trong năm			
Giảm trong năm			
Số cuối kỳ	4.296.903.720	107.400.000	4.404.303.720
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	60.211.300	103.337.500	163.548.800
Tăng trong kỳ do khấu hao	11.653.800	1.875.000	13.528.800
Số cuối năm	71.865.100	105.212.500	177.077.600
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.236.692.420	4.062.500	4.240.754.920
Số cuối kỳ	4.225.038.620	2.187.500	4.227.226.120

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	58.543.782.700	16.477.542.493		75.021.325.193
<i>Mua và đóng hoàn thiện tàu dờ dang trọng tải 56.200 DWT, ký hiệu F56-NT03 đặt tên là V.Sunrise</i>	58.543.782.700	16.477.542.493		75.021.325.193
XDCB dở dang (Nhà làm việc Vosco Nha Trang)	111.056.000			111.056.000
Cộng	58.654.838.700	16.477.542.493		75.132.381.193

13. Đầu tư vào Công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco ⁽ⁱ⁾		4.470.082.000		4.470.082.000
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco ⁽ⁱⁱ⁾		3.633.090.910		2.633.090.910
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng Hải Vosco ⁽ⁱⁱⁱ⁾		6.934.233.000		6.234.233.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco ^(iv)	765.000	7.650.000.000	765.000	7.650.000.000
Cộng		22.687.405.910		20.987.405.910

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201130591 ngày 15 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco 17.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 4.470.082.000 VND, tương đương 26,29% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco là 12.529.918.000 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201130601 ngày 15 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco 15.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm 1.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 3.633.090.910 VND, tương đương 24,22% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco là 11.366.909.090 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0311081202 ngày 19 tháng 08 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco 15.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm 700.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 6.934.233.000 VND, tương đương 46,22% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco là 8.065.767.000 VND.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201137068 ngày 22 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco 7.650.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco.

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		77.048.397.343		77.048.397.343
<i>Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam</i>	<i>8.752.251</i>	<i>73.648.455.343</i>	<i>8.752.251</i>	<i>73.648.455.343</i>
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng</i>	<i>65</i>		<i>65</i>	
<i>Công ty Cổ phần Hàng hải SSV</i>	<i>67.600</i>	<i>3.399.942.000</i>	<i>67.600</i>	<i>3.399.942.000</i>
Đầu tư vào đơn vị khác		5.135.000.000		5.135.000.000
<i>Trường Cao Đẳng nghề Hàng Hải Vinalines</i>		<i>5.000.000.000</i>		<i>5.000.000.000</i>
<i>Quỹ hỗ trợ phát triển</i>		<i>135.000.000</i>		<i>135.000.000</i>
Cộng		82.183.397.343		82.183.397.343

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí sửa chữa các tàu lên đà	94.831.739.603	32.100.689.376	35.741.998.283	91.190.430.696
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	146.731.270.145		19.867.621.734	126.863.648.411
Cộng	241.563.009.748	32.100.689.376	55.609.620.017	218.054.079.107

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.881.630.879	14.881.630.879
Phát sinh trong kỳ		
Hoàn nhập trong kỳ		
Số cuối kỳ	14.881.630.879	14.881.630.879

17. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ xuất khẩu thuyền viên.

18. Vay và nợ ngắn hạn

Là các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	104.140.000.000	
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Duyên Hải	31.242.000.000	41.656.000.000
Cộng	135.382.000.000	41.656.000.000
Trong đó: Gốc vay bằng USD	6.500.000,00	2.000.000,00

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	41.656.000.000	235.324.760.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	135.382.000.000	532.292.500.000
Tăng do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ		5.041.500.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(41.656.000.000)	(362.360.560.000)
Số cuối kỳ	135.382.000.000	410.298.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**19. Phải trả người bán***Trình bày theo đơn vị như sau:*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	391.981.698.806	363.590.650.538
Trung tâm huấn luyện thuyền viên		132.000.000
Đại lý tàu biển và dịch vụ Hàng hải		
Chi nhánh Quy Nhơn	246.260.227	311.291.239
Chi nhánh Quảng Ninh	686.101.171	758.355.019
Chi nhánh Hà Nội	2.364.624.601	1.908.923.830
Chi nhánh Đà Nẵng	25.232.081	25.232.081
Chi nhánh Cần Thơ	616.645.381	1.084.657.944
Cộng	<u>395.920.562.267</u>	<u>367.811.110.651</u>

20. Người mua trả tiền trước*Trình bày theo đơn vị như sau:*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	59.832.912.932	36.384.545.376
Chi nhánh Quy Nhơn	683.577.454	574.802.969
Chi nhánh Quảng Ninh	28.560.187	16.115.873
Chi nhánh Nha Trang	9.101.836	9.101.836
Chi nhánh Hà Nội	80.000.000	6.400.000
Chi nhánh Cần Thơ	40.392.218	39.502.794
Cộng	<u>60.674.544.627</u>	<u>37.030.468.848</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(5.861.410.906)	211.437.072	(5.682.203.871)	32.230.037
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		469.122.112	469.122.112	
Thuế xuất nhập khẩu		177.256.034	177.256.034	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(675.000.000)		50.000.000	(725.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản				
Thuế thu nhập cá nhân	1.826.460.538	7.658.943.462	8.316.118.595	1.169.285.405
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		1.488.620.300	1.488.620.300	
Thuế khác		17.000.000	17.000.000	
Các khoản phí, lệ phí khác	21.949.982	212.581.607	207.767.192	26.764.397
Cộng	<u>(4.688.000.386)</u>	<u>10.234.960.587</u>	<u>5.043.680.362</u>	<u>503.279.839</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Trong đó:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải thu nhà nước (*)	(727.822.767)	(6.573.359.744)
<i>Thuế GTGT hàng bán nội địa</i>		(5.894.197.977)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	(725.000.000)	(675.000.000)
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	(2.822.767)	(4.161.767)
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	1.231.102.606	1.885.359.358
<i>Thuế GTGT hàng bán nội địa</i>	32.230.037	32.787.071
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	1.172.108.172	1.830.622.305
<i>Các khoản phí, lệ phí khác</i>	26.764.397	21.949.982
Cộng	<u>503.279.839</u>	<u>(4.688.000.386)</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong nước : 5% và 10%
- Hàng hóa dịch vụ cung cấp nước ngoài : 0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư tàu biển(*) theo điểm b, khoản 2, mục IV, phần E, Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

(*) Thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư quy định tại điểm 42 Mục VIII, Phần B, Phụ lục A ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.891.737.256	2.526.000.000
Bảo hiểm xã hội	1.662.156.944	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.162.061.495	5.421.481.535
Tạm tăng nguyên giá tàu (Lucky Star, Blue Star)	99.022.287.430	99.022.287.430
Thuế thu nhập cá nhân của người lao động chưa quyết toán	3.526.007.460	3.529.617.060
Nhiên liệu bàn giao tàu	1.000.066.020	1.000.066.020
Phải trả, phải nộp khác	3.765.459.733	3.810.038.397
Cộng	<u>116.029.776.338</u>	<u>115.309.490.442</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	17.327.226.855	3.737.886.448
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		12.118.965.103
Chi quỹ trong năm	(11.146.254.798)	(5.536.720.586)
Số cuối kỳ	<u>6.180.972.057</u>	<u>10.320.130.965</u>

24. Phải trả dài hạn người bán

Là khoản phải trả Tổng công ty công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng theo Hợp đồng đóng mới tàu 22.500 DWT số 3/KH05.

25. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ ký cược dài hạn.

26. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	626.425.473.490	614.775.473.490
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	1.793.020.036.000	1.876.061.272.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	97.756.218.000	130.341.624.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt ^(iv)	205.825.000.000	219.805.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ^(v)	335.122.207.580	335.122.207.580
Cộng	<u>3.058.148.935.070</u>	<u>3.176.105.577.070</u>
Trong đó:		
Gốc vay bằng VND	832.250.473.490	834.580.473.490
Gốc vay bằng USD	106.870.485	112.421.985

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay bằng VND Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng để đóng tàu từ năm 2000, 2001, 2002, 2006 và
- Hợp đồng vay số 02/2011/HĐTĐĐT - NHPT ngày 30 tháng 01 năm 2011 để thanh toán cho giá trị khối lượng đã thực hiện và các chi phí bổ sung để hoàn thiện tàu chở hàng rời 56.200 DWT ký hiệu F56-NT03, tổng số tiền vay 555 tỷ đồng, thời hạn vay tối đa là 144 tháng, lãi suất nợ trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả) là 14,4 %/ năm, thời hạn trả nợ là 120 tháng, được bảo đảm bằng tài sản hình thành bằng vốn vay trong tương lai.
- (ii) Khoản vay bằng USD gồm 4 hợp đồng tín dụng:
- Số 0020/07/HP ngày 12/02/2007, số tiền vay 41 triệu USD để mua tàu chở dầu, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Số 0097/07/HP ngày 26/09/2007, số tiền vay 52,74 triệu USD để mua tàu chở dầu, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 1,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Ocean Star.
 - Số 0098/07/HP ngày 21/09/2007, số tiền vay 27 triệu USD để mua tàu Neptune Star, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 1,625%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Vega Star.
 - Số 115/10/MSB-HP ngày 24/12/2010, số tiền 28,73 triệu USD để thanh toán một phần tiền mua tàu Vosco Unity, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường USD 12 tháng trả lãi sau cộng 3,0%/năm. Khoản vay này được đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Diamond Star.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 2008/HĐTD-VOSCO ngày 21/11/2008, số tiền vay 15,645 triệu USD để mua tàu SEABEE (nay đổi tên thành tàu VOSCO STAR) trọng tải 46.671 DWT, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt gồm 2 hợp đồng tín dụng:
- Số 112.2009.HĐTD ngày 24/08/2009, số tiền vay 175 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Lucky Star 22.500 DWT, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 10,5%/năm cho 6 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm, hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quy định hiện hành. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Lucky Star (đồng thế chấp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam).
 - Số 237.2009.HĐTD ngày 25/12/2009, số tiền vay 100 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Blue Star 22.500 DWT, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 12%/năm cho 3 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 3%/năm, hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quy định hiện hành. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Blue Star (đồng thế chấp với Ngân hàng phát triển Việt Nam).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 67667 ngày 17 tháng 3 năm 2010, số tiền vay 22,5 triệu USD để mua tàu VOSCO SKY trọng tải 52.523 DWT, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất 6%/ năm cho kỳ đầu tiên và được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam cộng biên độ 3,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, tàu Polar Star và tàu Golden Star.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh trong năm của các khoản vay dài hạn như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.176.105.577.070	2.562.176.610.526
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	32.000.000.000	543.916.360.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(149.956.642.000)	(265.235.479.016)
Số cuối kỳ	3.058.148.935.070	2.840.857.491.510

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	988.976.541	876.821.975
Số trích lập bổ sung trong kỳ		
Số đã chi trong kỳ	(481.715.400)	(770.494.275)
Số cuối kỳ	507.261.141	106.327.700

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

28. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	1.400.000.000.000	(7.320.384.546)	(900.789.234)	11.948.107.068	15.968.205.262	16.793.508.678	1.436.488.647.228
Lợi nhuận trong kỳ này						(102.719.522.568)	(102.719.522.568)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá			900.789.234				900.789.234
Giảm khác						(414.218.304)	(414.218.304)
Số dư cuối kỳ	1.400.000.000.000	(7.320.384.546)		11.948.107.068	15.968.205.262	(86.340.232.194)	1.334.255.695.590

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	840.000.000.000	840.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	560.000.000.000	560.000.000.000
Cộng	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	1.890.000	1.890.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	138.110.000	138.110.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ	1.172.732.789.327	1.465.971.112.019
Các khoản giảm trừ doanh thu:	2.709.584.722	3.578.253.013
- Giảm giá hàng bán	2.709.584.722	3.578.253.013
Doanh thu thuần	1.170.023.204.605	1.462.392.859.006
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>1.170.023.204.605</i>	<i>1.462.392.859.006</i>

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	134.941.634	715.816.547
Lãi bán ngoại tệ	6.479.000	116.788.854
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.514.945.034	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	833.904.174	4.073.867.013
Cộng	3.490.269.842	4.906.472.414

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	78.266.808.283	98.104.933.597
Lỗ bán ngoại tệ	1.305.966	1.382.955.390
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.977.838.798	48.575.014.360
Chi phí tài chính khác	13.498.130	5.515.109
Cộng	99.259.451.177	148.068.418.456

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng vận tải	34.843.771.876	41.347.477.624
Chi phí khác	33.412.000	19.334.160
Cộng	34.877.183.876	41.366.811.784

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	17.133.414.659	15.870.137.426
Chi phí vật liệu quản lý	865.712.083	989.681.846
Chi phí đồ dùng văn phòng	109.023.500	118.600.118
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.037.622.072	1.112.174.620
Thuế, phí và lệ phí	2.496.251.000	2.585.510.787
Chi phí sửa chữa	87.088.018	86.770.190
Chi phí điện nước	260.306.478	240.995.402
Chi phí thông tin	460.196.977	478.399.651
Chi phí hội nghị, tiếp khách	819.196.678	1.060.872.711
Chi phí đào tạo	17.675.247	45.965.000
Công tác phí, tàu xe đi phép	819.312.937	992.990.086
Chi phí bằng tiền khác	2.592.001.540	2.313.410.499
Cộng	26.697.801.189	25.895.508.336

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	181.818.182	21.716.387.516
Các khoản tiền thưởng của khách hàng	192.163.850	
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	4.061.460.000	
Thu nhập khác	432.564.638	1.180.956.437
Cộng	4.868.006.670	22.897.343.953

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý và giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	37.934.898	400.805.333
Chi phí khác	600.000	21.744.867
Cộng	38.534.898	422.550.200

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt	2.389.914.200	1.953.199.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển Vosco	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco	Công ty con

Trong kỳ Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH MTV Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển Vosco</i>		
Mua hàng hóa dịch vụ từ Công ty con	3.293.918.921	3.420.338.772
Bán hàng hóa dịch vụ cho Công ty con	348.208.000	204.140.000
<i>Công ty TNHH MTV Đại lý tàu biển và Logistics Vosco</i>		
Mua hàng hóa dịch vụ của Công ty con	982.683.608	751.012.744
Bán hàng hóa dịch vụ cho Công ty con	15.611.465.237	17.802.114.000
Nhận lợi nhuận chuyển từ Công ty con	1.902.945.034	
Góp vốn vào công ty con	1.000.000.000	
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco</i>		
Mua hàng hóa dịch vụ của Công ty con	843.822.700	372.981.200
Bán hàng hóa dịch vụ cho Công ty con	402.000.000	255.315.000
Nhận cổ tức của Công ty con	612.000.000	
<i>Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco</i>		
Mua hàng hóa dịch vụ của Công ty con	1.076.577.882	
Bán hàng hóa dịch vụ cho Công ty con	1.882.045.455	
Góp vốn vào công ty con	700.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển Vosco	7.373.000	
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	811.793.730	1.553.927.892
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco	405.696.940	
Cộng nợ phải thu	1.224.863.670	1.553.927.892
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển Vosco	2.579.948.685	2.148.655.373
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	112.172.460	2.171.985.452
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco		15.640.000
Cộng nợ phải trả	2.692.121.145	4.336.280.825

2. Chi phí lãi vay vốn hóa

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay để đóng mới tàu	12.200.533.333	
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá	12.200.533.333	

Tỷ lệ vốn hóa **13,49%**

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Dịch vụ vận tải biển
- Lĩnh vực Thương mại và Dịch vụ khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.165.732.245.808	4.290.958.797	1.170.023.204.605
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.165.732.245.808	4.290.958.797	1.170.023.204.605
Chi phí bộ phận	1.174.641.952.376	7.161.065.234	1.181.803.017.610
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(8.909.706.568)	(2.870.106.437)	(11.779.813.005)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(8.909.706.568)	(2.870.106.437)	(11.779.813.005)
Doanh thu hoạt động tài chính	3.431.866.804	58.403.038	3.490.269.842
Chi phí tài chính	99.253.464.206	5.986.971	99.259.451.177
Thu nhập khác	4.714.005.869	154.000.801	4.868.006.670
Chi phí khác	38.534.898		38.534.898
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(100.055.832.999)	(2.663.689.569)	(102.719.522.568)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	49.745.809.809		49.745.809.809
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	136.566.897.125	617.518.123	137.184.415.248
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	19.867.621.734		19.867.621.734
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.453.898.360.028	8.494.498.978	1.462.392.859.006
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.453.898.360.028	8.494.498.978	1.462.392.859.006
Chi phí bộ phận	1.326.778.225.168	11.361.216.891	1.338.139.442.059
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	127.120.134.860	(2.866.717.913)	124.253.416.947
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	127.120.134.860	(2.866.717.913)	124.253.416.947
Doanh thu hoạt động tài chính	4.615.905.580	290.566.834	4.906.472.414
Chi phí tài chính	147.969.842.107	98.576.349	148.068.418.456
Thu nhập khác	22.634.529.159	262.814.794	22.897.343.953
Chi phí khác	422.550.200		422.550.200
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	675.000.000		675.000.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.303.177.292	(2.411.912.634)	2.891.264.658



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>655.608.428.731</i>		<i>655.608.428.731</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>261.953.417.065</i>	<i>1.138.138.834</i>	<i>263.091.555.899</i>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<i>8.657.501.200</i>		<i>8.657.501.200</i>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.997.939.035.254	19.669.060.950	5.017.608.096.204
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	119.752.434.132		119.752.434.132
Tổng tài sản			5.137.360.530.336
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.788.877.638.569	8.046.224.120	3.796.923.862.689
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	6.180.972.057		6.180.972.057
Tổng nợ phải trả			3.803.104.834.746
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.085.867.620.451	19.910.173.143	5.105.777.793.594
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	118.052.434.132		118.052.434.132
Tổng tài sản			5.223.830.227.726
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.761.402.911.855	8.611.441.788	3.770.014.353.643
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	17.327.226.855		17.327.226.855
Tổng nợ phải trả			3.787.341.580.498

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và ngoài nước.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	175.989.503.865	288.697.261.375
Khu vực nước ngoài	994.033.700.740	1.173.695.597.631
Cộng	1.170.023.204.605	1.462.392.859.006

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	7.482.535.691	129.426.478.489	754.725.509.686	1.007.953.544.851
Khu vực nước ngoài	42.263.274.118	526.181.950.242	4.262.882.586.518	4.097.824.248.743
Cộng	49.745.809.809	655.608.428.731	5.017.608.096.204	5.105.777.793.594

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.988.400.840	54.567.598.525	27.988.400.840	54.567.598.525
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	82.183.397.343	82.183.397.343	82.183.397.343	82.183.397.343
Phải thu khách hàng	130.018.277.771	87.327.778.452	130.018.277.771	87.327.778.452
Các khoản phải thu khác	20.576.302.826	36.694.765.471	20.576.302.826	36.694.765.471
Cộng	260.766.378.780	260.773.539.791	260.766.378.780	260.773.539.791
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	410.223.536.577	382.114.084.961	410.223.536.577	382.114.084.961
Vay và nợ	3.193.530.935.070	3.217.761.577.070	3.193.530.935.070	3.217.761.577.070
Các khoản phải trả khác	131.263.743.809	131.181.045.225	131.263.743.809	131.181.045.225
Cộng	3.735.018.215.456	3.731.056.707.256	3.735.018.215.456	3.731.056.707.256

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.10 và V.26). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối kỳ		
Phương tiện vận tải truyền dẫn (đội tàu)	3.757.092.083.968	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Số đầu năm		
Phương tiện vận tải truyền dẫn (đội tàu)	4.049.357.759.010	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2012 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2012.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	395.920.562.267	14.302.974.310		410.223.536.577
Vay và nợ	507.776.808.846	2.023.542.930.224	662.211.196.000	3.193.530.935.070
Các khoản phải trả khác	130.612.482.668	507.261.141	144.000.000	131.263.743.809
Cộng	1.034.309.853.781	2.038.353.165.675	662.355.196.000	3.735.018.215.456
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	367.811.110.651	14.302.974.310		382.114.084.961
Vay và nợ	340.425.534.000	2.428.588.803.070	448.747.240.000	3.217.761.577.070
Các khoản phải trả khác	130.048.068.684	988.976.541	144.000.000	131.181.045.225
Cộng	838.284.713.335	2.443.880.753.921	448.891.240.000	3.731.056.707.256

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro ngoại tệ và rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	<u>Thay đổi tỷ giá USD (%)</u>	<u>Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế</u>
Năm nay		
Tỷ giá tăng	+ 2%	(37.707.800.441)
Tỷ giá giảm	- 2%	37.707.800.441

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Thay đổi lãi suất (%)</u>	<u>Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế</u>
Năm nay		
Lãi suất tăng	+ 2%	(19.253.290.962)
Lãi suất giảm	- 2%	19.253.290.962

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Lập, ngày 7 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Trường

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Vũ Hữu Chính

